

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng  
chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 06/04/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn tại Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 25/08/2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4302/TTr-SNV ngày 18/12/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn (trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn gửi kèm Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn, gồm 50 vị trí việc làm, cụ thể: 11 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 23 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; 12 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm: Thống nhất với Bản Mô tả công việc tại Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn gửi kèm Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn phê duyệt Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm theo thẩm quyền ngay sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Phê duyệt Khung năng lực vị trí việc làm đối với 50 vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn, cụ thể:

a) Khung năng lực vị trí việc làm đối với 11 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 23 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (theo Phụ lục 02 đính kèm);

b) Khung năng lực vị trí việc làm đối với 12 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (theo Phụ lục 03 đính kèm).

4. Phê duyệt Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý), cụ thể như sau:

- Viên chức Hạng II hoặc tương đương: tỷ lệ 1,61%;
- Viên chức Hạng III hoặc tương đương: tỷ lệ 51,87%;
- Viên chức Hạng IV hoặc tương đương: tỷ lệ 46,52%.

(Chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm)

**Điều 2. Áp dụng Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở khoa học để sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ viên

chức thuộc Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc hoặc có quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hoặc có quy định điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn trực thuộc Sở Y tế.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. PD

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Biên**

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục vị trí việc làm tại Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	
1	Giám đốc	Không áp dụng cơ cấu, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lãnh đạo, quản lý (do Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế không có quy định, áp dụng thực hiện).
2	Phó Giám đốc	
3	Trưởng phòng chức năng	
4	Trưởng khoa chuyên môn	
5	Phó Trưởng phòng chức năng	
6	Phó Trưởng khoa chuyên môn	
7	Điều dưỡng trưởng	
8	Hộ sinh trưởng	
9	Kỹ thuật y trưởng	
10	Trưởng Trạm y tế xã	
11	Phó Trưởng Trạm y tế xã	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>	
1	Bác sĩ chính	Hạng II
2	Bác sĩ	Hạng III
3	Bác sỹ Y học dự phòng	Hạng III
4	Dược sĩ hạng III	Hạng III
5	Dược sĩ hạng IV	Hạng IV
6	Điều dưỡng hạng III	Hạng III
7	Điều dưỡng hạng IV	Hạng IV
8	Hộ sinh hạng III	Hạng III
9	Hộ sinh hạng IV	Hạng IV
10	Kỹ thuật y hạng III	Hạng III
11	Kỹ thuật y hạng IV	Hạng IV
12	Dinh dưỡng hạng III	Hạng III
13	Dinh dưỡng hạng IV	Hạng IV
14	Y tế công cộng	Hạng III

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp</b>
15	Dân số viên hạng III	Hạng III
16	Dân số viên hạng IV	Hạng IV
17	Y sỹ	Hạng IV
18	Công nghệ thực phẩm	Hạng III
19	Lương y	Hạng IV
20	Quan trắc môi trường	Hạng III
21	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III
22	Công nghệ thông tin hạng IV	Hạng IV
23	Kỹ thuật thiết bị y tế	Hạng IV
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b>	
1	Chuyên viên tổ chức cán bộ; thi đua khen thưởng	Chuyên viên
2	Chuyên viên hành chính - văn phòng	Chuyên viên
3	Cán sự hành chính - văn phòng	Cán sự
4	Chuyên viên quản trị công sở	Chuyên viên
5	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên
6	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên/ Cán sự
7	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III
8	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV
9	Kế toán trưởng	Kế toán viên
10	Kế toán viên	Kế toán viên
11	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
12	Cán sự thủ quỹ	Cán sự
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	
1	Nhân viên lái xe	HĐLĐ
2	Nhân viên bảo vệ	HĐLĐ
3	Nhân viên kỹ thuật	HĐLĐ
4	Hộ lý	HĐLĐ



TT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng CNTT	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng văn bản	Hướng dẫn thực hiện văn bản	Kiểm tra thực hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức thực hiện văn bản/ Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>																	
1	Bác sĩ chính	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
2	Bác sĩ	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
3	Bác sỹ Y học dự phòng	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
4	Dược sĩ hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
5	Dược sĩ hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
6	Điều dưỡng hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
7	Điều dưỡng hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
8	Hộ sinh hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
9	Hộ sinh hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
10	Kỹ thuật y hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
11	Kỹ thuật y hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
12	Dinh dưỡng hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
13	Dinh dưỡng hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
14	Y tế công cộng	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
15	Dân số viên hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
16	Dân số viên hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
17	Y sỹ	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
18	Công nghệ thực phẩm	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1

TT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng CNTT	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng văn bản	Hướng dẫn thực hiện văn bản	Kiểm tra thực hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức thực hiện văn bản/ Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
19	Lương y	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
20	Quan trắc môi trường	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
21	Công nghệ thông tin hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
22	Công nghệ thông tin hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
23	Kỹ thuật thiết bị y tế	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1



**PHỤ LỤC 3**

**Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn**  
(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng CNTT	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng văn bản	Hướng dẫn thực hiện văn bản	Kiểm tra thực hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức thực hiện văn bản	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b>																	
1	Chuyên viên tổ chức cán bộ; thi đua khen thưởng	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2	Chuyên viên hành chính - văn phòng	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
3	Cán sự hành chính - văn phòng	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	Chuyên viên quản trị công sở	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
5	Văn thư viên	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
6	Văn thư viên trung cấp	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7	Lưu trữ viên hạng III	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8	Lưu trữ viên hạng IV	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1

9	Kế toán trưởng	3	3	3	3	3	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
10	Kế toán viên	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
11	Kế toán viên trung cấp	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
12	Cán sự thủ quỹ	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>																	
	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung					Nhóm năng lực chuyên môn			Nhóm năng lực quản lý								
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng ngoại ngữ	Khả năng làm việc độc lập	Khả năng triển khai nhiệm vụ	Khả năng hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định							
1	Nhân viên lái xe	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
2	Nhân viên bảo vệ	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
3	Nhân viên kỹ thuật	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
4	Hộ lý	1	1	1	1		1	1	1	1	1							

**PHỤ LỤC 4**

**Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. Phân bổ biên chế theo từng VTVL (người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước/người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp/lao động hợp đồng):**

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Phân bổ biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Phân bổ biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>		<b>23</b>	<b>38</b>	
1	Giám đốc	Không áp dụng cơ cấu, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lãnh đạo, quản lý (do Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế không có quy định, áp dụng thực hiện).	00	01	
2	Phó Giám đốc		01	01	
3	Trưởng phòng chức năng		03	01	
4	Trưởng khoa chuyên môn		01	03	
5	Phó Trưởng phòng chức năng		02	11	
6	Phó Trưởng khoa chuyên môn		02	11	
7	Điều dưỡng trưởng		00	08	
8	Hộ sinh trưởng		00	01	
9	Kỹ thuật y trưởng		00	01	
10	Trưởng Trạm y tế xã		07	00	
11	Phó Trưởng Trạm y tế xã		07	00	

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Phân bổ biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Phân bổ biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>		<b>70</b>	<b>98</b>	
1	Bác sĩ chính	Hạng II	Kiểm nhiệm	03	
2	Bác sĩ	Hạng III	03	12	
3	Bác sỹ Y học dự phòng	Hạng III	01	00	
4	Dược sĩ hạng III	Hạng III	01	04	
5	Dược sĩ hạng IV	Hạng IV	10	06	
6	Điều dưỡng hạng III	Hạng III	09	20	
7	Điều dưỡng hạng IV	Hạng IV	03	14	
8	Hộ sinh hạng III	Hạng III	06	05	
9	Hộ sinh hạng IV	Hạng IV	Kiểm nhiệm	07	
10	Kỹ thuật y hạng III	Hạng III	02	03	
11	Kỹ thuật y hạng IV	Hạng IV	00	04	
12	Dinh dưỡng hạng III	Hạng III	00	01	
13	Dinh dưỡng hạng IV	Hạng IV	00	01	
14	Y tế công cộng	Hạng III	09	00	
15	Dân số viên hạng III	Hạng III	04	00	
16	Dân số viên hạng IV	Hạng IV	01	00	
17	Y sỹ	Hạng IV	18	14	
18	Công nghệ thực phẩm	Hạng III	02	00	

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Phân bổ biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Phân bổ biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
19	Lương y	Hạng IV	01	00	
20	Quan trắc môi trường	Hạng III	00	01	
21	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III	00	01	
22	Công nghệ thông tin hạng IV	Hạng IV	00	01	
23	Kỹ thuật thiết bị y tế	Hạng IV	00	01	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b>		<b>02</b>	<b>17</b>	
1	Chuyên viên tổ chức cán bộ; thi đua khen thưởng	Chuyên viên	00	01	
2	Chuyên viên hành chính - văn phòng	Chuyên viên	00	03	
3	Cán sự hành chính - văn phòng	Cán sự	00	03	
4	Chuyên viên quản trị công sở	Chuyên viên	00	01	
5	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	00	01	
6	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên/ Cán sự	00	01	
7	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	
8	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV	00	01	
9	Kế toán trưởng	Kế toán viên	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	
10	Kế toán viên	Kế toán viên	02	05	
11	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	00	01	
12	Cán sự thủ quỹ	Cán sự	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Phân bổ biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Phân bổ biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HDLD
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>				
1	Nhân viên Lái xe				03
2	Nhân viên Bảo vệ				03
3	Nhân viên kỹ thuật				02
4	Hộ lý				10
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>95 biên chế</b>	<b>153 biên chế</b>	<b>18 HDLD</b>

**B. Tỷ lệ cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo từng VTVL (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):**

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc là viên chức theo Mục A			Tỷ lệ % so với tổng số
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Cộng	
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>		<b>70</b>	<b>98</b>	<b>168</b>	<b>89,84</b>
1	Bác sĩ chính	Hạng II	Kiểm nhiệm	03	03	1,60
2	Bác sĩ	Hạng III	03	12	15	8,02
3	Bác sỹ Y học dự phòng	Hạng III	01	00	01	0,53
4	Dược sĩ hạng III	Hạng III	01	04	05	2,67
5	Dược sĩ hạng IV	Hạng IV	10	06	16	8,56
6	Điều dưỡng hạng III	Hạng III	09	20	29	15,51
7	Điều dưỡng hạng IV	Hạng IV	03	14	17	9,10
8	Hộ sinh hạng III	Hạng III	06	05	11	5,90

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc là viên chức theo Mục A			Tỷ lệ % so với tổng số
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Cộng	
9	Hộ sinh hạng IV	Hạng IV	Kiểm nhiệm	07	07	3,74
10	Kỹ thuật y hạng III	Hạng III	02	03	05	2,67
11	Kỹ thuật y hạng IV	Hạng IV	00	04	04	2,10
12	Dinh dưỡng hạng III	Hạng III	00	01	01	0,53
13	Dinh dưỡng hạng IV	Hạng IV	00	01	01	0,53
14	Y tế công cộng	Hạng III	09	00	09	4,81
15	Dân số viên hạng III	Hạng III	04	00	04	2,13
16	Dân số viên hạng IV	Hạng IV	01	00	01	0,53
17	Y sỹ	Hạng IV	18	14	32	17,11
18	Công nghệ thực phẩm	Hạng III	02	00	02	1,06
19	Lương y	Hạng IV	01	00	01	0,53
20	Quan trắc môi trường	Hạng III	00	01	01	0,53
21	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III	00	01	01	0,53
22	Công nghệ thông tin hạng IV	Hạng IV	00	01	01	0,53
23	Kỹ thuật thiết bị y tế	Hạng IV	00	01	01	0,53
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b>		<b>02</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>10,16</b>
1	Chuyên viên tổ chức cán bộ; thi đua khen thưởng	Chuyên viên	00	01	01	0,53
2	Chuyên viên hành chính - văn phòng	Chuyên viên	00	03	03	1,60
3	Cán sự hành chính - văn phòng	Cán sự	00	03	03	1,60
4	Chuyên viên quản trị công sở	Chuyên viên	00	01	01	0,54

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc là viên chức theo Mục A			Tỷ lệ % so với tổng số
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Cộng	
5	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	00	01	01	0,54
6	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên/ Cán sự	00	01	01	0,54
7	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm		
8	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV	00	01	01	0,54
9	Kế toán trưởng	Kế toán viên	00	01	01	0,54
10	Kế toán viên	Kế toán viên	02	04	06	3,20
11	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	00	01	01	0,54
12	Cán sự thủ quỹ	Cán sự	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm		
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>72 biên chế</b>	<b>115 biên chế</b>	<b>187</b>	<b>100%</b>

**C. Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):**

Tên đơn vị	Số lượng viên chức (tương ứng với mục B)	Số lượng/loại hạng chức danh nghề nghiệp viên chức		Tỷ lệ hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
		Số lượng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Loại hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	187	03	Hạng II và tương đương	1,61%
			Hạng III và tương đương	51,87%
			Hạng IV và tương đương	46,52%